

Bản án số: 53/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19- 8 - 2021

V/v Ly hôn, Tranh chấp nuôi con chung,  
chia tài sản chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Anh Thành

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Đức Nhâm;

Ông Nông Văn Hân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Bà Ma Thị Thắm- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2021/TLST-HNGĐ, ngày 06/7/2021 về Ly hôn, Tranh chấp nuôi con chung, chia tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03/8/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bàn Thị H**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn **N S**, xã **S Ph**, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Có đơn xin xử vắng mặt

Bị đơn: Anh **Phúc Thái B**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Tổ dân phố X, **thị trấn N H**, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang

Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên hoà giải chị Bàn Thị H trình bày:

Chị và anh **Phúc Thái B** quen biết tự nguyện đi đến hôn nhân, ngày 19/12/2017 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **S Ph** huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng gia đình chồng. Anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chồng chị chơi cờ bạc, rượu chè nhiều lần đánh chị. Chị đã nhiều lần bỏ về nhà mẹ đẻ nhưng anh B lên xin lỗi thì chị lại

về. Nhưng cách đây hơn 01 tháng do mâu thuẫn trầm trọng nên chị về nhà mẹ đẻ ở đến nay. Anh **B** có lên đón nhưng chị không về. Chị không còn tình cảm với anh **B**, đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn.

\* Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Phúc Khánh L, sinh ngày 08/01/2018. Anh **B** đề nghị nuôi con thì chị nhất trí. Chị đề nghị được thăm non, chăm sóc con khi có điều kiện. Chị sẽ cấp dưỡng theo khả năng (đề nghị Toà không ghi vào quyết định về cấp dưỡng nuôi con).

\* Về tài sản chung: Anh chị có mô tô BKS 22N1 – 066.98, đăng ký xe mang tên chị H. Anh **B** đề nghị chia, chị nhất trí trả cho anh **B** 7.000.000đ

\* Về nợ chung: Anh chị không có.

\* Về án phí: Chị xin miễn án phí ly hôn và án phí chia tài sản chung.

Tại bản tự khai, phiên hoà giải và tại phiên toà anh **Phúc Thái B** trình bày:

\* Về quan hệ hôn nhân: Quen biết, tìm hiểu, kết hôn, chung sống, có con chung và mâu thuẫn như chị H trình bày là đúng. Anh xác định mâu thuẫn do lỗi của anh nhưng nay anh đã sửa chữa lỗi lầm, chị H xin ly hôn nhưng anh không muốn ly hôn. Tại phiên toà anh nhất trí ly hôn. Anh xin nhận nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

\* Về tài sản chung: Vợ chồng anh có tài sản chung là mô tô BKS 22N1 – 066.98. Xe đăng ký tên chị H, mua trả góp. Anh xác định phần tài sản chung có trị giá 14.000.000đ (Còn phần giá trị hơn là do chị H tự trả góp). Anh đề nghị Toà xử buộc chị H phải chia cho anh 1/2 giá trị tài sản chung là 7.000.000đ

\* Về nợ chung: Anh và chị H không có.

Kết quả xác minh:

Tổ Trưởng tổ dân phố 6 **thị trấn N H** – bà Trần Thị Huệ cho biết: Chị Bàn Thị H và anh **Phúc Thái B** đi đến hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Chị H, anh **B** ở cùng bố mẹ anh **B**. Thời gian chung sống khoảng năm 2020, anh **B** chị H mâu thuẫn. Chị H có về nhà mẹ đẻ sinh sống, sau đó lại về ở cùng chồng. Năm 2021, vợ chồng lại mâu thuẫn chị H lại về nhà mẹ đẻ ở.

Con chung: Anh **B**, chị H có 01 con chung là cháu gái, năm nay 04 tuổi. Cháu đang ở cùng anh **B** và ông bà nội tại tổ dân phố 6.

Về tài sản chung, vay nợ chung anh **B**, chị H có như thế nào bà không rõ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71 và Điều 72 BLTTDS.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Đề nghị xử cho chị Bàn Thị H ly hôn anh **Phúc Thái B**.

Về con chung: Giao cho anh **Phúc Thái B** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phúc Khánh Linh, sinh ngày 08/01/2018. Chị Bàn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, được quyền thay đổi nuôi con sau ly hôn.

Về tài sản chung: Chị Bàn Thị H phải trả cho anh **Phúc Thái B** 7.000.000đ.

Vay nợ chung: Các đương sự xác định không có.

Chị Bàn Thị H được miễn án phí ly hôn sơ thẩm và án phúc chia tài sản chung.

Anh **Phúc Thái B** phải chịu án phí dân sự có giá ngạch tương xứng với giá trị tài sản chung được hưởng.

Chị H, anh **B** được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Chị Bàn Thị H nộp các tài liệu: Trích lục kết hôn, Bản sao giấy khai sinh của con; Bản sao Sổ hộ khẩu gia đình; Bản sao phép lái xe của chị H.

Tòa án thu thập: Biên bản xác minh với Tổ Trưởng tổ dân phố 6, **thị trấn N H**.

Chị Bàn Thị H và anh **Phúc Thái B** thống nhất với nhau về việc ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung nhưng chị H xin xét xử vắng mặt.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Anh **Phúc Thái B** cư trú tại tổ dân phố X, **thị trấn N H**, huyện Na Hang. Chị Bàn Thị H có đơn khởi kiện ly hôn, đề nghị giao nuôi con chung. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của các Điều 28, 35 và Điều 39 BLTTDS.

[2] Tòa án tiến hành hòa giải tranh chấp nhưng anh **B**, chị H không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết của vụ án. Tòa án quyết định xét xử vụ án.

[3] Hôn nhân của chị Bàn Thị H và anh **Phúc Thái B** trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền do đó hôn nhân là hợp pháp. Cuộc sống chung chị H, anh **B** phát sinh mâu thuẫn từ lâu. Nguyên nhân chị H và anh **B** cùng thống nhất lỗi do anh **B** ham chơi. Chị H, anh **B** đã nhiều lần sống ly thân. Nay chị H về nhà mẹ đẻ ở. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh **B** đã trầm trọng. Cuộc sống chung đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Bàn Thị H ly hôn anh **Phúc Thái B**.

[4] Con chung: Chị Bàn Thị H và anh **Phúc Thái B** có 01 con chung là cháu Phúc Khánh L, sinh ngày 08/01/2018. Trong phiên hoà giải lần cuối chị H, anh **B** thống nhất nếu phải ly hôn anh **B** sẽ trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Do đó, căn cứ các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cho anh

**Phúc Thái B** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phúc Khánh L, sinh ngày 08/01/2018, Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, được quyền thay đổi nuôi con sau ly hôn.

[5]. Về tài sản chung, vay nợ chung:

Chị Bàn Thị H, anh **Phúc Thái B** cùng xác định có giá trị 14.000.000đ trong giá trị chiếc xe mô tô BKS 22N1 – 066.98. Xe đăng ký tên chị H, mua trả góp. Anh **B**, chị H đề nghị chia. Căn cứ Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình. Chia cho anh **B**  $\frac{1}{2}$ . Chia cho chị H  $\frac{1}{2}$  trị giá tài sản chung. Chị H có trách nhiệm trả cho anh **B** 7.000.000đ. Chị H được hưởng 7.000.000đ và được sở hữu xe mô tô.

Anh **Phúc Thái B** và chị Bàn Thị H cùng xác định không có vay nợ chung.

[6] Về án phí: Chị Bàn Thị H là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí ly hôn và án phí chia tài sản chung. Anh **Phúc Thái B** phải chịu án phí dân sự có giá ngạch với giá trị tài sản được chia.

[7] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 228, 235, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng: Các Điều 56, 59, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Điểm d khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 5 Điều 27, điểm b khoản 1 Điều 24 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, giao nuôi con chung và chia tài sản chung của chị Bàn Thị H.

Tuyên xử:

**1. Cho chị Bàn Thị H ly hôn anh Phúc Thái B.**

**2. Về con chung:** Giao cho anh **Phúc Thái B** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phúc Khánh L, sinh ngày 08/01/2018. Chị Bàn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**3. Chia tài sản chung:** Chị Bàn Thị H và anh **Phúc Thái B** có tài sản chung là 14.000.000đ trong tổng giá trị xe mô tô biển kiểm soát 22N1 – 066.98, xe đăng ký mang tên chị H. Chị H được sở hữu xe mô tô. Chị H được hưởng 7.000.000đ, anh **B** được hưởng 7.000.000đ. chị H có trách nhiệm trả cho anh **B** 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

*Khoản tiền phải trả, khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

**4. Về án phí:** Chị Bàn Thị H được miễn án phí ly hôn và án phí chia tài sản chung. Anh **Phúc Thái B** phải chịu 350.000 (Ba trăm năm mươi nghìn) đồng án phí có giá gạch. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh **B** đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002286 ngày 02/8/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Hang. Anh **B** còn phải nộp 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng)

**5. Anh Phúc Thái B** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Bàn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự*

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát ND huyện Na Hang;
- UBND xã **S Ph**;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Anh Thành**